

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN TÀI LỘC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN TÀI LỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400886668

3. Ngày thành lập: 08/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Nam, Xã Đồng Việt, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0898005777

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày ; Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị âm thanh, thiết bị ngoại vi và phần mềm tin học, vi tính; Lắp đặt hệ thống camera; Bán buôn thiết bị nghe nhìn; Tivi các loại; Thiết bị âm thanh loa đài, đầu âm li; Thiết bị xử lý số; Thiết bị ánh sáng; Máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.	4659
2.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh than non, than phụ phẩm qua nghiền, mua bán than cốc, than bán cốc (qua lửa); Kinh doanh than bùn, than cám; Kinh doanh than tổ ong, than sạch; Kinh doanh nghiền các phụ phẩm của nó.	4661
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
4.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
6.	Bán buôn tổng hợp	4690
7.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
11.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
12.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

14.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
17.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
18.	Bốc xếp hàng hóa	5224
19.	Xuất bản phần mềm	5820
20.	Hoạt động hậu kỳ	5912
21.	Lập trình máy vi tính	6201
22.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
24.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, hạ tầng.	6810
26.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát xây dựng	7110
28.	Quảng cáo	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
30.	Cho thuê xe có động cơ	7710
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ kho vận; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất kinh doanh.	8299
35.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn.	8532
36.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
37.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
38.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
39.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
40.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131(Chính)
41.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
43.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
44.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
45.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

46.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
47.	Chăn nuôi gia cầm	0146
48.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
49.	Khai thác gỗ	0220
50.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
51.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
52.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
53.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
54.	Khai thác và thu gom than non	0520
55.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
56.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
57.	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Giặt, mài công nghiệp	1313
58.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
59.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
60.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
61.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
62.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
63.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
64.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
67.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa.	1702
68.	In ấn	1811
69.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
70.	Sao chép bản ghi các loại	1820
71.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic.	2220
72.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
73.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
74.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
75.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
78.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
79.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh gạch, ngói, gốm, sứ xây dựng không chịu lửa.	3290

80.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa thiết bị điện, lắp đặt hệ thống điện	3314
81.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
82.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
83.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
84.	Thu gom rác thải độc hại	3812
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
87.	Tái chế phế liệu	3830
88.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình thủy	4291
94.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
96.	Phá dỡ	4311
97.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
98.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
99.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
100.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
101.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
102.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
103.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
104.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
105.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Kinh doanh vải, hàng may mặc, giày dép.	4641
106.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
107.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
108.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
109.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 2.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 260.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ANH DŨNG	Khu 3, Xã Chí Tiên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	124.800	1.248.000.000	48,000	131083628	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	124.800	1.248.000.000	48,000		
2	VŨ THỊ THÀNH	SN 38, ngõ 338, Xương Giang, Tổ 7, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	122.200	1.222.000.000	47,000	121430455	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	122.200	1.222.000.000	47,000		

3	NGUYỄN THỊ MẠNH	SN 38, ngõ 338, Xương Giang, Tổ 7, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	13.000	130.000.000	5,000	120568041
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	13.000	130.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ANH DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131083628

Ngày cấp: 23/07/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, Xã Chí Tiên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu 3, Xã Chí Tiên, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

* Họ và tên: **VŨ THỊ THÀNH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Phó Giám đốc*

Sinh ngày: *02/01/1982*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *121430455*

Ngày cấp: *29/09/2015*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *SN 38, ngõ 338, Xương Giang, Tổ 7, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *SN 38, ngõ 338, Xương Giang, Tổ 7, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang*